

<p>2p</p>	<p>cắt biển báo cắm xe đi ngược chiều</p> <p>Bước 2 : Dán biển báo cắm xe đi ngược chiều</p> <p>Hoạt động 2 : Thực hành gấp cắt, dán .</p> <p>Hoạt động 3: Đánh giá sản phẩm</p> <p>D. Củng cố Dặn dò</p>	<p>trắng có chiều dài 4x1 ô.</p> <p>-Cắt hình chữ nhật màu khác có chiều dài 10x1 ô làm chân biển báo.</p> <p>-Dán chân biển báo lên tờ giấy trắng.</p> <p>-Dán hình tròn màu đỏ chồm lên chân biển báo nửa ô.</p> <p>-Dán hình chữ nhật màu trắng giữa hình tròn.</p> <p>*GV hướng dẫn gấp</p> <p>A/ Gấp cắt biển báo chỉ lối đi thuận chiều.</p> <p>B/ Dán biển báo chỉ lối đi thuận chiều.</p> <p>.- Cho HS thực hành.</p> <p>* Cho HS bày sản phẩm lên bàn.</p> <p>- GV cùng HS nhận xét, đánh giá từng sản phẩm</p> <p>*Nhận xét tiết học.</p> <p>- Lần sau mang giấy nháp, GTC, bút chì, thước kẻ, kéo, hồ dán.</p>	<p>trắng.</p> <p>-Gấp cắt hình chữ nhật màu khác.</p> <p>-HS thực hành theo nhóm.</p> <p>-Các nhóm trình bày sản phẩm .</p> <p>-Hoàn thành và dán vở.</p> <p>-Đem đủ đồ dùng.</p> <p>HS bày sản phẩm lên bàn.</p>
-----------	---	---	---

TOÁN**Tiết 71: 100 TRỪ ĐI MỘT SỐ****I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu cách thực hiện các phép tính trừ dạng :100 trừ đi một số (100 trừ đi số có 2 chữ số, số có 1 chữ số).

2. Kỹ năng: Biết tính nhẩm 100 trừ đi một số tròn chục.

- Làm được các BT1,2 trong SGK.

3. Thái độ: Thích làm toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

1.GV: Bộ thực hành Toán.

2. HS: Vở, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1p	A. Ôn định		- Hát
3p	B. Bài cũ	- Đặt tính rồi tính: 35 – 8 ; 57 – 9 ; 63 – 5	-HS thực hành. Bạn nhận xét.
30p	C. Bài mới		
	1.Giới thiệu:	- Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ học cách thực hiện các phép trừ có dạng 100 trừ đi một số.	- Nghe giới thiệu bài.
	2.Phép trừ 100 – 36	- Nêu bài toán: Có 100 que tính, bớt 36 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính? H: Để biết còn lại bao nhiêu que tính ta làm như thế nào? - Viết lên bảng 100 – 36.	- Nghe và phân tích đề toán. - Thực hiện phép trừ 100 – 36. $\begin{array}{r} 100 \\ - 36 \\ \hline 064 \end{array}$
	3.Phép trừ 100 – 5	- Gọi HS khác nhắc lại cách thực hiện - Tiến hành tương tự như trên. - Cách trừ:	-HS nêu cách thực hiện. $\begin{array}{r} 100 \\ - 5 \\ \hline 095 \end{array}$

	<p>4.Thực hành</p> <p>Bài 1:</p> <p>Bài 2:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc y/c bài - HS tự làm bài. Gọi 2 HS làm bài trên bảng lớp. - Yêu cầu HS nêu rõ cách thực hiện các phép tính: $100 - 4$; $100 - 69$. - Nhận xét . * Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì? - Viết lên bảng: <ul style="list-style-type: none"> Mẫu $100 - 20 = ?$ $10 \text{ chục} - 2 \text{ chục} = 8 \text{ chục}$ $100 - 20 = 80$ - Yêu cầu HS đọc phép tính mẫu. H: 100 là bao nhiêu chục? H: 20 là mấy chục? H: 10 chục trừ 2 chục là mấy chục? H: Vậy 100 trừ 20 bằng bao nhiêu? - Tương tự như vậy hãy làm hết bài tập. - Yêu cầu HS nêu cách nhẩm của từng phép tính. - Nhận xét . * Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị: Tìm số trừ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lặp lại. - HS tự làm bài. - HS nêu. - HS nêu: Tính theo mẫu. - HS đọc: $100 - 20$ - Là 10 chục. - Là 2 chục. - Là 8 chục. - 100 trừ 20 bằng 80. - HS làm bài. Nhận xét bài bạn trên bảng, tự kiểm tra bài của mình. - 2 HS lần lượt trả lời. <ul style="list-style-type: none"> $100 - 70 = 30$; $100 - 60 = 40$, $100 - 10 = 90$ -Nêu cách nhẩm. Chẳng hạn: 10 chục trừ 7 chục bằng 3 chục, vậy 100 trừ 70 bằng 30. - HS thực hiện.
2p	<p>D. củng cố:</p> <p>Dặn dò:</p>		

KỂ CHUYỆN HAI ANH EM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Hiểu được nội dung câu chuyện: Hai anh em. Dựa vào gợi ý của GV tái hiện được nội dung từng đoạn của câu chuyện. Nói được ý nghĩa của hai anh em khi gặp nhau trên đồng.

2. Kỹ năng: HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện.

3. Thái độ: Yêu thích môn kể chuyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

1. GV: Tranh SGK. Các gợi ý trong SGK viết sẵn trên bảng phụ.

2. HS: SGK.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1p 3p	A. Ôn định B. Bài cũ	<ul style="list-style-type: none">- Câu chuyện bó đũa- Gọi 2 HS lên bảng nối tiếp nhau kể câu chuyện: Câu chuyện bó đũa- 1 HS trả lời câu hỏi: Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?- Nhận xét.	<ul style="list-style-type: none">- Hát- HS kể. Bạn nhận xét.- HS nêu.
30p	C. Bài mới 1. Giới thiệu: 2. Hướng dẫn kể lại truyện theo gợi ý a) Kể lại từng đoạn truyện.	<ul style="list-style-type: none">- Treo bức tranh và hỏi: Bức tranh vẽ ai, trong câu chuyện nào?- Treo bảng phụ có ghi sẵn gợi ý và gọi HS đọc.- Yêu cầu HS dựa vào gợi ý kể lại câu chuyện thành 3 phần. Phân giới thiệu câu chuyện, phần diễn biến và phần kết. Bước 1: Kể theo nhóm.- Chia nhóm 3 HS. Yêu cầu HS kể trong nhóm. Bước 2: Kể trước lớp- Yêu cầu HS kể trước lớp.	<ul style="list-style-type: none">- Hai anh em. Trong câu chuyện Hai anh em.- Đọc gợi ý.- Lắng nghe và ghi nhớ - 3 HS trong nhóm lần lượt kể từng phần của câu chuyện. Khi 1 HS kể các em phải chú ý lắng nghe và sửa cho bạn. - Đại diện mỗi nhóm trình bày. Mỗi nhóm chỉ kể 1 đoạn rồi đến nhóm khác.

<p>2p</p>	<p>*Kể đoạn cuối câu chuyện theo gợi ý</p> <p>b) Nói ý nghĩ của hai anh em khi gặp nhau trên đường</p> <p>Kể lại toàn bộ câu chuyện.</p> <p>D. Cũng cố: Dặn dò:</p>	<p>- Yêu cầu HS nhận xét bạn kể.</p> <p>- Khi HS kể còn lúng túng GV có thể gợi ý theo các câu hỏi</p> <p>* Phần mở đầu câu chuyện: H: Câu chuyện xảy ra ở đâu? H: Lúc đầu hai anh em chia lúa ntn? H: Người em đã nghĩ gì và làm gì? H: Người anh đã nghĩ gì và làm gì?</p> <p>* Phần kết thúc câu chuyện: H: Câu chuyện kết thúc ra sao?</p> <p>-Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. - Gọi 2 HS đọc lại đoạn 4 của câu chuyện. - Câu chuyện kết thúc khi hai anh em ôm nhau trên đồng. Mỗi người trong họ có 1 ý nghĩ. Các em hãy đoán xem mỗi người nghĩ gì.</p> <p>* Yêu cầu 4 HS kể nối tiếp.</p> <p>- Gọi HS nhận xét bạn. - Yêu cầu 1 HS kể lại toàn bộ câu chuyện. - Nhận xét H: Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?</p> <p>- Nhận xét tiết học. - Dặn HS về nhà kể lại chuyện</p>	<p>- Nhận xét bạn kể theo các tiêu chí đã hướng dẫn.</p> <p>- Ở 1 làng nọ. - Chia thành 2 đồng bằng nhau. - Thương anh vất vả nên bỏ lúa của mình cho anh. -Thương em sống 1 mình nên bỏ lúa của mình cho em. - Hai anh em gặp nhau khi mỗi người đang ôm 1 bó lúa cả hai rất xúc động. - Đọc đề bài - Đọc lại đoạn 4. Cả lớp chú ý theo dõi. - Gọi HS nói ý nghĩ của hai anh em. VD: * Người anh: Em tốt quá!/ Em đã bỏ lúa cho anh./ Em luôn lo lắng cho anh, anh hạnh phúc quá./ - 4 HS kể nối tiếp nhau đến hết câu chuyện. - Nhận xét theo yêu cầu. - 1 HS kể.</p> <p>- Anh em phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.</p>
-----------	---	--	---

Thứ ba ngày 15 tháng 12 năm 2015

TOÁN

Tiết 72: TÌM SỐ TRỪ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Hiểu các BT dạng: $a - x = b$ (với a, b là các số có không quá hai chữ số) bằng sử dụng mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính (Biết cách tìm số trừ khi biết số bị trừ và hiệu).

- Nhận biết số trừ, số bị trừ, hiệu.

2. Kỹ năng: Biết giải toán dạng tìm số trừ chưa biết.

- Biết làm các BT1 (cột 1,3), BT2 (cột 1,2,3), BT3 trong SGK.

3. Thái độ: Thích học môn Toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

1.GV: Hình vẽ trong phần bài học SGK phóng to.

2.HS: Vở, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1p 3p	A. Ôn định B. Bài cũ	- 100 trừ đi một số. - Gọi 2 HS lên bảng đặt tính và tính: $100 - 4$; $100 - 38$ nêu rõ cách thực hiện từng phép tính. - Nhận xét.	- Hát - HS thực hiện. Bạn nhận xét.
30p	C. Bài mới 1. Giới thiệu: 2. Tìm số trừ	*GV giới thiệu bài. *GV nêu bài toán: Có 10 ô vuông, sau khi bớt một số ô vuông thì còn lại 6 ô vuông. Hỏi đã bớt đi bao nhiêu ô vuông? Hỏi: Lúc đầu có tất cả bao nhiêu ô vuông? +Phải bớt đi bao nhiêu ô vuông? *Số ô vuông chưa biết gọi là X. H: Còn lại bao nhiêu ô vuông? - 10 ô vuông, bớt đi X ô vuông, còn lại 6 ô vuông, hãy đọc phép tính tương ứng. - Viết lên bảng: $10 - X = 6$. H: Muốn biết số ô vuông chưa biết ta làm thế nào? - GV viết lên bảng: $X = 10 - 6$ $X = 4$ - Yêu cầu HS nêu tên các thành	- Nghe GV giới thiệu bài. - Nghe và phân tích đề toán. - Tất cả có 10 ô vuông. - Chưa biết phải bớt đi bao nhiêu ô vuông? - Còn lại 6 ô vuông. - $10 - x = 6$. - Thực hiện phép tính $10 - 6$. - 10 là số bị trừ, x là số

2p	<p>3.Thực hành</p> <p>Bài 1:</p> <p>Bài 2:</p> <p>Bài 3:</p> <p>D.Củng cố: Dặn dò:</p>	<p>phần trong phép tính $10 - X = 6$. H: Vậy muốn tìm số trừ (X) ta làm thế nào? - Yêu cầu HS đọc quy tắc.</p> <p>H: Bài toán yêu cầu tìm gì? H: Muốn tìm số trừ chưa biết ta làm gì? - Yêu cầu HS làm bài, 2 HS làm trên bảng lớp. - Nhận xét . *Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <table border="1" data-bbox="576 611 954 785"> <tr> <td>Số bị trừ</td> <td>75</td> <td>84</td> <td>58</td> </tr> <tr> <td>Số trừ</td> <td>36</td> <td>24</td> <td>24</td> </tr> <tr> <td>Hiệu</td> <td>39</td> <td>60</td> <td>34</td> </tr> </table> <p>Hỏi: Tại sao điền 39 vào ô thứ nhất? H: Muốn tìm hiệu ta làm thế nào? H: Ô trống ở cột 2 yêu cầu ta điền gì? H: Muốn tìm số trừ ta làm thế nào? - GV chữa bài, nhận xét. *Yêu cầu HS đọc đề bài. H: Bài toán cho biết gì? H: Bài toán hỏi gì? H: Muốn tính số ô tô rời bến ta làm như thế nào? - Yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập.</p> <p style="text-align: center;"><u>Tóm tắt</u></p> <p>Có: 35 ô tô Còn lại: 10 ô tô Rời bến: ô tô ? H: Muốn tìm số trừ ta làm thế nào? * GV đưa ra vài phép tính về tìm số trừ, yêu cầu HS làm. - Nhận xét, tổng kết tiết học.</p>	Số bị trừ	75	84	58	Số trừ	36	24	24	Hiệu	39	60	34	<p>trừ, 6 là hiệu - Ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu - Đọc và học thuộc qui tắc. - Tìm số trừ. - Lấy số bị trừ trừ đi hiệu. - Làm bài. Nhận xét bài của bạn. Tự kiểm tra bài của mình.</p> <p>- Tự làm bài. 2 HS ngồi cạnh đối chéo vở để kiểm tra bài nhau.</p> <p>- Vì 39 là hiệu trong phép trừ $75 - 36$. - Lấy số bị trừ trừ đi số trừ. - Điền số trừ.</p> <p>- Lấy số bị trừ trừ đi hiệu.</p> <p>- Đọc đề bài. - HS trả lời.</p> <p>- Thực hiện phép tính $35 - 10$. - Ghi tóm tắt và tự làm bài.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Số ô tô đã rời bến là: $35 - 10 = 25$ (ô tô) <u>Đáp số:</u> 25 ô tô.</p> <p>- HS nêu.</p>
	Số bị trừ	75	84	58											
Số trừ	36	24	24												
Hiệu	39	60	34												

CHÍNH TẢ(Tập chép)

HAI ANH EM

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:**Chép lại chính xác đoạn văn có lời diễn tả ý nghĩ nhân vật trong ngoặc kép

- Tìm đúng các từ có chứa âm đầu x/s; vần â/ê. Tìm được tiếng có vần ai/ay.

2. **Kĩ năng:** Viết đúng chính tả sạch đẹp.

3. **Thái độ:** Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

1.GV: Bảng phụ cần chép sẵn đoạn cần chép. Nội dung bài tập 3 vào giấy, bút dạ.

2.HS: Vở, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1p 3p 30p	A. Ôn định: B. Bài cũ C. Bài mới 1. Giới thiệu 2. Hướng dẫn tập chép. a) Ghi nhớ nội dung. b) Hướng dẫn cách trình bày. c) Hướng dẫn viết từ khó.	- Gọi 3 HS lên bảng làm bài tập 2 trang 118. - Nhận xét. - Trong giờ Chính tả hôm nay, các con sẽ chép đoạn 2 trong bài tập đọc Hai anh em và làm các bài tập chính tả. - Treo bảng phụ và yêu cầu HS đọc đoạn cần chép. H: Đoạn văn kể về ai? H: Người em đã nghĩ gì và làm gì? H: Đoạn văn có mấy câu? H: Ý nghĩ của người em được viết ntn? H: Những chữ nào được viết hoa? *Yêu cầu HS đọc các từ khó, dễ lẫn. - Yêu cầu HS viết các từ khó.	- Hát - 3 HS lên bảng làm. - HS dưới lớp đọc bài làm của mình. - 2 HS đọc đoạn cần chép. - Người em. - Anh mình còn phải nuôi vợ con. Nếu phần lúa của mình cũng bằng phần lúa của anh thì thật không công bằng. Và lấy lúa của mình bỏ vào cho anh. - 4 câu. - Trong dấu ngoặc kép. - Đêm, Anh, Nếu, Nghĩ. - Đọc từ dễ lẫn: Nghĩ, nuôi, công bằng. - 2 HS lên bảng viết, HS dưới lớp viết bảng con.